

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 517/2026/DS-PT

Ngày: 16-6-2026

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung, thừa kế, đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/5/2026 và ngày 16/6/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026, về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung, thừa kế, đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực B - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 877/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 4 P, Khóm C, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: 2 Lô A, đường B, khu dân cư T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là 28-30, Lô I, đường B, K mới Công ty T3, phường H, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng P: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1960 (có mặt); Địa chỉ: Khóm D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp D, xã H, tỉnh Đồng Tháp) theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/11/2023.

2. Bị đơn: Võ Văn L, sinh năm 1927;

Địa chỉ: Số C, Quốc lộ E, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là số C, Quốc lộ E, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Võ Văn L: Anh Trần Văn S, sinh năm 1982 (có mặt ngày 19/5/2026, vắng mặt ngày 16/6/2026 có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: A KDC tổ F, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Số A, KDC Tổ 6, KV D, phường A, thành phố Cần Thơ); Địa chỉ liên hệ: Số B C, đường số D, khu dân cư C - H, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Số 253A C2, đường số D, KDC C - H, KV B, phường A, thành phố Cần Thơ) theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/5/2021.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Võ Hồng Vân P1, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: 4 P, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (nay là 405/14 Phạm Hữu L1, Khóm C, Phường S, tỉnh Đồng Tháp).

3.2. Võ Thị Hạnh P2, sinh năm 2010;

Người đại diện theo pháp luật của Võ Thị Hạnh P2: Bà Đặng Thị Thu C, sinh năm 1984 (mẹ ruột của Võ Thị Hạnh P2);

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là Tổ D, ấp E, xã P, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Thu C: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; Địa chỉ liên hệ: Số E Quốc lộ E, ấp C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Số E Quốc lộ E, ấp C, Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27/10/2023.

3.3. Võ Nhã H1, sinh năm 2003;

Địa chỉ: G L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là G L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Nhã H1: Chị Huỳnh Thị Mỹ H2, sinh năm 1999 (có mặt ngày 19/5/2026, vắng mặt ngày 16/6/2026 có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ liên hệ: Số B C, đường số D, khu dân cư C - H, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Số 253A C2, đường số D, khu dân cư C - H, Khu V, phường A, thành phố Cần Thơ) theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/5/2022.

3.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn T3.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Võ Thị Hồng G, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 2 Lô A, đường B, khu dân cư T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là 28-30, Lô I, đường B, K mới Công ty T3, phường H, thành phố Cần Thơ).

3.5. Phạm Thị Kim L2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: C L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là C, đường L,

phường B, thành phố Cần Thơ).

3.6. Thái Thanh T1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 9 đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là 9/159 đường C, phường N, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1: Ông Cao Hữu S1, sinh năm 1987 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bút lục 604-605); Địa chỉ: C, Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là 33 Khu V, phường H, thành phố Cần Thơ); Địa chỉ liên hệ: Số B C, đường số D, khu dân cư C - H, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Số 253A C2, đường số D, KDC C - H, KV B, phường A, thành phố Cần Thơ) theo các Hợp đồng ủy quyền ngày 30/6/2023 và 01/7/2023.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Quốc lộ H, Khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã H (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ban Q;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp A, xã H, tỉnh Đồng Tháp).

4. Người kháng cáo: Bị đơn cụ Võ Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh T1, bà Phạm Thị Kim L2, chị Võ Nhã H1, Võ Thị Hạnh P2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P là ông Huỳnh Thanh T trình bày:** Bà Hồng P là vợ hợp pháp của ông Võ Thành V (sinh năm 1957, đã chết ngày 09/8/2015). Bà Hồng P và ông V có một con chung là Võ Hồng Vân P1, sinh năm 1988; ông V và bà Hồng P1 chung sống khoảng năm 1986 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn ngày 20/5/2005 (đăng ký trễ hạn). Lúc bà Hồng P1 và ông V sống chung với nhau có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng (QSD) đất, diện tích 7.473m² gồm: Thửa 1094, tờ bản đồ 01, diện tích 3.473m² loại đất vườn (LNK) (viết tắt là thửa 1094) và thửa 1095, tờ bản đồ 01, diện tích 4.000m² loại đất vườn (LNK) (viết tắt là thửa 1095) được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00897 ngày 15/02/2002 do ông Võ Thành V đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận. Nhưng theo đo đạc thực tế từ thửa 1094 và thửa

1095, tờ bản đồ 01 diện tích là 7.331,2m² (theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Trước đây 02 thửa đất này nằm trong một dự án mở rộng khu dân cư sân vận động ở huyện L, có lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, nên chồng bà Hồng P1 là ông Võ Thành V có nhận tiền bồi thường 625.299.600 đồng và giao Giấy chứng nhận QSD đất cho Ban quản lý dự án, số tiền ông V nhận bà Hồng P1 không biết ông V sử dụng vào mục đích gì. Dự án có chủ trương của T2 không thực hiện cho dừng lại từ năm 2015, nên ngày 04/3/2020 bà Hồng P1 đã nộp lại số tiền 625.299.600 đồng cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L để nhận lại QSD đất làm thủ tục thừa kế, nhưng đến nay chưa nhận lại được Giấy chứng nhận QSD đất, bà Hồng P1 được biết Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L đã chi trả số tiền trên cho đại diện bên chủ đầu tư là Công ty TNHH T3 theo phiếu chi ngày 20/4/2020 do bà Võ Thị Hồng G nhận, nhưng Công ty TNHH T3 chưa giao lại Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Hồng P1. UBND huyện L có mời đại diện Công ty TNHH T3 và các thành viên được hưởng di sản thừa kế của ông Võ Thành V để thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế là QSD đất nêu trên, nhưng các thành viên khác không đến, nên không thỏa thuận được.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Phân chia tài sản chung của hộ gia đình và thừa kế QSD đất diện tích một phần thửa 1095, tờ bản đồ 01 diện tích là 1.286,3m² được thể hiện từ mốc M1, M4, M24, M25, M26, M27 về mốc M1.

- Yêu cầu chia: một phần thửa 1094, tờ bản đồ 01 diện tích là 1.157,3m² được thể hiện từ mốc M1, M2, M3, M4 về mốc M1.

- Yêu cầu chia: một phần thửa 1094, tờ bản đồ 01 diện tích là 217,9m² được thể hiện từ mốc M9, M8, M7, M6 về mốc M9.

- Yêu cầu chia: một phần thửa 1095, tờ bản đồ 01 diện tích là 270,9m² được thể hiện từ mốc M6, M7, M16, M17, M20, M21 về mốc M6.

(Theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Trường hợp các thừa kế không nhận diện tích đất thì bà Nguyễn Thị Hồng P đồng ý trả giá trị trên số diện tích được hưởng là 18.178.400 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng P thống nhất diện tích đất và cây trồng vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện L. Thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất đến nay thì phần đất tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc và các cây trồng. Ngoài ra, bà Hồng P khẳng định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không cung cấp thêm chứng cứ, người làm chứng nào khác và yêu cầu Tòa án giải quyết

theo quy định pháp luật.

- Phân chia số nợ chung là 625.299.600 đồng (vì bà Nguyễn Thị Hồng P đã trả) nên bà Nguyễn Thị Hồng P chịu 312.649.800 đồng, còn lại 312.649.800 đồng chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất cho bà Nguyễn Thị Hồng P, cụ Võ Văn L, chị Võ Hồng Vân P1, chị Võ Nhã H1 và Võ Thị Hạnh P2 mỗi phần 62.529.960 đồng. Buộc cụ L, chị Vân P1, chị H1, chị P2 trả lại cho bà Hồng P1 62.529.960 đồng và trả lãi là 1%/tháng kể từ ngày 04/3/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 (TNHH) hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng P bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00897 ngày 15/02/2002.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì bà Hồng P không đồng ý vì phần nợ Công ty T3 đã trả cho bà L2 và ông T1 và đây là nợ của Công ty T3 không phải nợ của cá nhân ông V. Bà Hồng P yêu cầu được tính thời hiệu của 02 biên nhận này.

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cụ Võ Văn L là anh Trần Văn S trình bày:** Cụ L là cha ruột của ông Võ Thành V đã chết ngày 09/8/2015 theo giấy chứng tử số: 59/2015, quyền số: 01/2015 của UBND phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Khi còn sống ông V có tạo lập được khối tài sản là QSD đất thừa 1094 và thừa 1095. Đây là tài sản riêng của ông V tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị Hồng P và các thửa đất được sử dụng vào mục đích kinh doanh của ông V, không liên quan đến đất hộ gia đình. Cụ L là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ L không đồng ý, vì QSD đất có diện tích 7.473m², thuộc các thửa đất số 1094 và số 1095 căn cứ theo Giấy chứng nhận QSD đất số 00897.QSDĐ/H72/QĐUB do UBND huyện L cấp ngày 15/02/2002, là tài sản riêng của ông Võ Thành V. Nay, ông V chết, mặc dù có phát sinh quyền thừa kế đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hiện tại các khoản nợ của ông V để lại sau khi chết là rất nhiều, nên không thể lấy tài sản này chia thừa kế mà không giải quyết các khoản nợ của ông V để lại.

Cụ L yêu cầu chia phần di sản của ông V để lại thành 05 phần, cụ L được hưởng một phần thừa 1095, tờ bản đồ 01, diện tích là 782m² được thể hiện từ mốc M14, M7, M12, M13 về mốc M14 và một phần thừa 1094, tờ bản đồ 01, diện tích là 684,5m² được thể hiện từ mốc M5, M6, M7, M14 về mốc M5 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L (còn viết tắt là Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/7/2024) yêu cầu được nhận giá trị di sản là hiện vật. Do đó, Sơ đồ đo đạc xác định vị trí theo yêu cầu của bà Hồng P là không đúng quy định pháp luật và cụ L không đồng ý việc xác định vị trí này trên Sơ đồ. Cụ L đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cụ Võ Văn L thống nhất diện tích đất và cây trồng vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp

của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện L. Thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất đến nay thì phần đất tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc và các cây trồng. Ngoài ra, cụ L khẳng định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không cung cấp thêm chứng cứ, người làm chứng nào khác và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 625.299.600 đồng là do bà Nguyễn Thị Hồng P tự ý đi nộp cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L, không thông qua các ý kiến của các đồng thừa kế, do vậy bị đơn không đồng ý trả lại tiền cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì cụ Võ Văn L đồng ý trả vốn và lãi cho bà L2 và ông T1 vì phần nợ do ông V chết để lại tương đương với kỷ phần mà cụ L được nhận di sản từ ông V. Cụ L không yêu cầu tính thời hiệu của 02 biên nhận này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Hồng Vân P1 trình bày: Yêu cầu chia di sản của ông Võ Thành V thành 03 phần, chị Vân P1 yêu cầu được hưởng 1/3 khối tài sản gồm một phần của thửa 1094 có diện tích đất là 1.163m² từ mốc M3, M10, M5, M4 về mốc M3 và một phần thửa 1095 có diện tích đất là 1.280,6m² từ mốc M4, M5, M22, M23, M24 về mốc M4 và yêu cầu được hưởng phần di sản ông V có diện tích đất là 488,8m² trong tổng diện tích đất 7.473m² thuộc thửa số 1094 và thửa số 1095, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận ngày 15/02/2002 cho ông Võ Thành V. Về nợ của bà L2 và ông T1 đồng ý trả theo kỷ phần thừa kế. Chị Võ Hồng V1 P1 đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Hồng P quản lý và sử dụng phần thừa kế mà chị Vân P1 được hưởng thừa kế từ ông V.

- Bà Đặng Thị Thu C là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hạnh P2, có đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Nguyễn Văn H trình bày: Chị Võ Thị Hạnh P2 là con của ông Võ Thành V và bà Đặng Thị Thu C. Ông Võ Thành V đã chết ngày 09/8/2015. Sinh thời ông V có tạo lập được khối tài sản là QSD đất thuộc thửa 1094 và thửa 1095. Đây là tài sản riêng của ông Võ Thành V tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị Hồng P, không phải là tài sản của hộ gia đình. Chị Hạnh P2 là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V, nên qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà C là người đại diện theo pháp luật của chị P2 không đồng ý. Bà C yêu cầu chia di sản của ông V để lại thành 05 phần cho chị P2 được hưởng một phần thửa 1095 có diện tích đất là 768,3m² được thể hiện từ mốc M17, M14, M13, M15, M16 về mốc M17 và một phần thửa 1094 có diện tích đất là 697,7m² được thể hiện từ mốc M4, M5, M14, M17 về mốc M4 (theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/7/2024) yêu cầu được nhận giá trị di sản là hiện vật.

Bà Đặng Thị Thu C thống nhất diện tích đất và cây trồng vật kiến trúc có

trên đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện L. Thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất đến nay thì phần đất tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc và các cây trồng. Ngoài ra, bà C khẳng định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không cung cấp thêm chứng cứ, người làm chứng nào khác và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 625.299.600 đồng là do bà Nguyễn Thị Hồng P tự ý đi nộp cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L, không thông qua các ý kiến của các đồng thừa kế, do vậy bà C không đồng ý trả lại tiền cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì bà C không đồng ý, vì phần nợ Công ty T3 đã trả cho bà L2 và ông T1 và đây là nợ của Công ty T3 không phải nợ của cá nhân ông V. Bà C yêu cầu được tính thời hiệu của 02 biên nhận này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Nhã H1 trình bày: Chị H1 là con ruột của ông Võ Thành V. Sinh thời, ông V có tạo lập được khối tài sản là QSD đất thửa 1094 và thửa 1095. Đây là tài sản riêng của cha chị H1 tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị Hồng P và các thửa đất được sử dụng vào mục đích kinh doanh của ông V, không liên quan đến đất hộ gia đình. Chị H1 là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V. Do đó, chị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản là QSD đất nêu trên của ông Võ Thành V để lại thành 05 phần bằng nhau, mỗi phần tương ứng diện tích đất 1.494,6m² trong tổng diện tích đất 7.473m² thuộc thửa 1094 và thửa 1095. Chị H1 yêu cầu được nhận giá trị di sản và giao phần hiện vật cho ông nội chị là cụ Võ Văn L từ mốc M7, M8, M9, M10, M11, M12 về mốc M7 (theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/7/2024).

Chị Võ Nhã H1 thống nhất diện tích đất và cây trồng vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện L. Thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất đến nay thì phần đất tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc và các cây trồng. Ngoài ra, chị H1 khẳng định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không cung cấp thêm chứng cứ, người làm chứng nào khác và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 625.299.600 đồng là do bà Nguyễn Thị Hồng P tự ý đi nộp cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L, không thông qua các ý kiến của các đồng thừa kế, do vậy chị H1 không đồng ý trả lại tiền cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì chị H1 đồng ý trả vốn và lãi cho bà L2 và ông T1. Vì khi hưởng tài sản của ông V chết để lại thì chị H1 đồng ý trả phần nợ của ông V theo kỷ phần được hưởng. Chị H1 không yêu cầu tính thời hiệu của 02 biên nhận nợ ngày 24/11/2012 và Biên nhận ngày 11/6/2011 của bà L2 và ông T1. Do tài sản được nhận thừa kế đã giao cho cụ L sử dụng thì cụ L có nghĩa vụ trả nợ cho bà L2 và ông T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L2 trình bày: Nguyên trước đây, do mối quan hệ quen biết ông Võ Thành V có mượn bà số tiền 100.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 24/11/2012. Nhưng từ lúc vay tiền đến nay, ông V chưa thanh toán cho chị bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào. Mặc dù, bà L2 đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở yêu cầu thanh toán. Đến ngày 09/8/2015, ông V chết chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay nợ của bà. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, do đó bà L2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế của ông V có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà ông V đã mượn của bà như sau:

+ Về số tiền gốc: Trả số tiền vay nợ gốc là 100.000.000 đồng.

+ Về lãi suất chậm trả, được tính theo quy định pháp luật dân sự từ thời điểm ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tạm tính từ ngày 09/8/2015 (ngày ông V chết) đến thời điểm khởi kiện, cụ thể: Từ ngày 09/8/2015 đến ngày 09/01/2017 áp dụng lãi suất chậm trả theo lãi suất Ngân hàng N công bố 0,75%/tháng (09%/năm) tương đương 17 tháng, số tiền lãi tạm tính là 12.750.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng}$). Từ ngày 09/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực) đến thời điểm hiện tại áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật hiện hành 0,83%/tháng (10%/năm) tương đương 68 tháng, số tiền tạm tính là 56.440.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 68 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng}$). Tổng số tiền lãi chậm trả là: 69.190.000 đồng.

Vì vậy, bà L2 yêu cầu những người thừa kế của ông Võ Thành V có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà ông V còn nợ bà L2, với số tiền vay nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tạm tính từ ngày 09/8/2015 đến thời điểm khởi kiện là 69.190.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là: 169.190.000 đồng và tiếp tục tính lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh T1 trình bày: Nguyên trước đây do có quen biết với nhau, ông Võ Thành V có mượn ông số tiền 410.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 11/6/2011. Thế nhưng, từ thời điểm mượn tiền đến nay, ông V không thanh toán cho ông bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào, mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở yêu cầu thanh toán. Đến năm 2015, ông V chết vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay nợ của ông. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, do đó ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế của ông Võ Thành V có trách

nhệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà ông V đã mượn của ông T1 như sau:

- + Về số tiền gốc: Trả số tiền vay nợ gốc là 410.000.000 đồng.
- + Về tiền lãi: Trả tiền lãi từ ngày 09/8/2015 đến ngày 09/01/2017 áp dụng lãi suất chậm trả theo lãi suất Ngân hàng N công bố 0,75%/tháng (09%/năm) tương đương 17 tháng, số tiền lãi tạm tính là 52.275.000 đồng ($410.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng$). Từ ngày 09/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực) đến thời điểm hiện tại áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật hiện hành 0,83%/tháng (10%/năm) tương đương 68 tháng, số tiền tạm tính là 231.404.000 đồng ($410.000.000 \text{ đồng} \times 68 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng$). Tổng cộng tiền lãi là 283.679.000 đồng.

Vì vậy, ông Thái Thanh T1 yêu cầu những người thừa kế của ông Võ Thành V phải thanh toán số tiền vốn, lãi tổng cộng là 693.679.000 đồng (trong đó vốn là 410.000.000 đồng + lãi là 283.679.000 đồng) và tiếp tục tính lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện L trình bày:** Trình tự cấp Giấy chứng nhận QSD đất của các thửa đất: thửa 1094, 1095, cùng tờ bản đồ số 1, các thửa đất trên tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp là đúng theo trình tự quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực B - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V được hưởng kỷ phần thừa kế của ông V theo quy định cụ thể như sau:

- 1.1. Bà Nguyễn Thị Hồng P được quyền sử dụng:
 - Diện tích 1.738m² thuộc thửa 1094 tờ bản đồ số 1 từ các mốc M1-M2-M24-M23 về M1.
 - Diện tích 1.927,7m² thuộc thửa 1095 tờ bản đồ số 1 từ các mốc M23-M22-M21-M20-M19-M24 về M23.
 - Diện tích 383,9m² thuộc thửa 1095 tờ bản đồ số 1 bao gồm các mốc M24-M19-M18-M17-M25 về M24.
 - Diện tích 349,2m² thuộc thửa 1094 tờ bản đồ số 1 bao gồm các mốc M3-M2-M24-M25 về M3.

1.2. Chị Võ Hồng Vân P1 được quyền sử dụng nhưng giao lại cho bà Nguyễn Thị Hồng P:

- Diện tích 383,3m² thuộc thửa 1095 tờ bản đồ số 1 bao gồm các mốc M17-M16-M26-M25 về M17.

- Diện tích 349,8m² bao gồm các mốc M4-M3-M25-M26 về M4.

1.3. Chị Võ Thị Hạnh P2 được quyền sử dụng:

- Diện tích 398,5m² thuộc thửa 1095 tờ bản đồ số 1 bao gồm các mốc M16-M15-M14-M7-M6-M26 về M16.

- Diện tích diện tích 334,6m² thuộc thửa 1094 tờ bản đồ số 1 bao gồm các mốc M6-M26-M4-M5 về M6.

1.4. Cụ Võ Văn L được quyền sử dụng: Diện tích 733,1m² thuộc thửa 1095 tờ bản đồ số 1 bao gồm các mốc M14-M13-M8-M7 quay về M14.

1.5. Chị Võ Nhã H1 được quyền sử dụng nhưng giao lại cho cụ Võ Văn L: Diện tích 733,1m² thuộc thửa 1095 tờ bản đồ số 1 bao gồm các mốc M13-M12-M11-M10-M9-M8 về M13.

(Có sơ đồ đo đạc Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 10/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp và biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án kèm theo). Các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới QSD đất đã được Tòa án xác định theo chiều thẳng đứng không gian và lòng đất theo quy định pháp luật.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự phải có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký, điều chỉnh cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất đối với phần thửa đất 2 thửa đất 1094, 1095 cùng tờ bản đồ 01 (có kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 10/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

2. Buộc bà Võ Thị Hồng G giao trả Giấy chứng nhận QSD đất của các thửa 1094, tờ bản đồ 01, diện tích 3.473m² loại đất CLN; thửa 1095, tờ bản đồ 01, diện tích 4.000m² loại đất CLN, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00897 ngày 15/02/2002 cho ông Võ Thành V, đất tọa lạc tại Thị trấn L cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Thành V.

3. Đình chỉ yêu cầu phân chia số nợ chung là 625.299.600 đồng (sáu trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) của bà Nguyễn Thị Hồng P.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu ông Thái Thanh T1 và bà Phạm Thị Kim L2.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P, chị Võ Hồng Vân P1, chị Võ Thị Hạnh P2 có nghĩa vụ trả ông Thái Thanh T1 số tiền như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 246.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

+ Chị Võ Hồng Vân P1 phải chịu 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) nhưng số tiền 41.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng P phải có nghĩa vụ trả thay cho chị Vân P1.

+ Chị Võ Thị Hạnh P2 phải chịu 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

+ Công nhận sự tự nguyện của cụ Võ Văn L đồng ý trả số tiền cho ông T1 số tiền vốn và lãi là 138.735.800 đồng (một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm đồng)

+ Công nhận sự tự nguyện của chị Võ Nhã H1 đồng ý trả số tiền cho ông T1 số tiền vốn và lãi là 138.735.800 đồng (một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm đồng), nhưng số tiền 138.735.800 đồng cụ Võ Văn L phải có nghĩa vụ trả thay cho chị Nhã H1.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P, Võ Hồng Vân P1, Võ Thị Hạnh P2 có nghĩa vụ trả bà Phạm Thị Kim L2 số tiền như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

+ Chị Võ Hồng Vân P1 phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), nhưng số tiền 10.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng P phải có nghĩa vụ trả thay cho chị Vân P1.

+ Chị Võ Thị Hạnh P2 phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Công nhận sự tự nguyện của cụ Võ Văn L đồng ý trả số tiền cho bà L2 số tiền vốn, lãi là 33.838.000 đồng (ba mươi ba triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

+ Công nhận tự nguyện của chị Võ Nhã H1 đồng ý trả số tiền cho ông T1 số tiền vốn và lãi là 33.838.000 đồng (ba mươi ba triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng), nhưng số tiền 33.838.000 đồng cụ Võ Văn L phải có nghĩa vụ trả thay cho Nhã H1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người bị yêu cầu thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người bị yêu cầu thi hành án còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi trả xong.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 04/8/2025, bị đơn cụ Võ Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông, chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản là QSD đất thửa số 1094, tờ bản đồ số 01 và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 01, các thửa đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp của ông Võ Thành V để lại thành 05 phần bằng nhau, mỗi phần tương ứng diện tích 1.466,5m² đất và ông xin nhận hiện vật.

- Ngày 04/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Nhã H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của chị, chia thừa kế

theo quy định pháp luật đối với di sản là QSD đất thừa số 1094, tờ bản đồ số 01 và thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 01, các thửa đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp của ông Võ Thành V để lại thành 05 phần bằng nhau, mỗi phần tương ứng diện tích 1.466,5m² đất và chị xin nhận hiện vật.

- Ngày 07/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông, buộc những người thừa kế của ông Võ Thành V có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc là 410.000.000 đồng và lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng cho ông, tạm tính từ ngày 09/8/2015 đến khi xét xử phúc thẩm.

- Ngày 07/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của chị, buộc những người thừa kế của ông Võ Thành V có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng cho bà, tạm tính từ ngày 09/8/2015 đến khi xét xử phúc thẩm.

- Ngày 03/9/2025, ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Thu C (bà C là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Hạnh P2) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản là QSD đất của ông Võ Thành V để lại thành 05 phần bằng nhau, mỗi phần tương ứng 1.466,24m²; đất của các thửa 1094, tờ bản đồ số 01 và thửa đất 1095, tờ bản đồ số 01 (theo đo đạc thực tế) các thửa đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, được UBND huyện L cấp ngày 15/02/2002. Bà C yêu cầu được nhận giá trị di sản là đất và thống nhất theo mốc của Sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2023 tương ứng với vị trí yêu cầu được chia di sản cho cháu Hạnh P2. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 yêu cầu hàng thừa kế của ông V trả số tiền 166.860.000 đồng và yêu cầu của ông Thái Thanh T1 trả số tiền vốn lãi là 714.876.000 đồng, bà C không đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả trước khi chia di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Bị đơn cụ Võ Văn L nộp đơn xin rút đơn kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cụ Võ Văn L là anh Trần Văn S cung cấp văn bản xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của cụ L, do cụ L đã thống nhất với bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Nhã H1 nộp đơn xin rút đơn kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Nhã H1 là chị Huỳnh Thị Mỹ H2 cung cấp văn bản xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của chị H1, do chị H1 đã thống nhất với bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Thu C (bà C đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Hạnh P2) trình bày: Bà Đặng Thị Thu C đã thống nhất xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Võ Thị Hạnh P2. Bà C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1. Ông H yêu cầu được sao chụp tài liệu liên quan do Công ty TNHH T3 cung cấp cho Tòa án tại giai đoạn phúc thẩm, sau này nếu chứng minh được việc đã trả nợ thì bà C sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 ủy quyền cho ông Cao Hữu S1 vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn cụ Võ Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Nhã H1, chị Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C, bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của cụ Võ Văn L, chị Võ Nhã H1 và Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C; không chấp nhận kháng cáo bà Phạm Thị Kim L2 và không chấp nhận kháng cáo ông Thái Thanh T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 883/PB-VKS-DS ngày 16/6/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực B - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng quy định tại các khoản 2, 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp trong vụ án là tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế QSD đất và đòi lại tài sản là chưa đầy đủ, do trong vụ án này Tòa án còn giải quyết tranh chấp liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại giữa các đương sự, vì vậy Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này cho đầy đủ là *“Tranh chấp chia tài sản chung, thừa kế, đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”*.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Cao Văn S2 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn chị Võ Hồng Vân P1, đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn T3, Ủy ban nhân dân xã H và Ban Q vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P cho rằng bà và ông Võ Thành V (đã chết ngày 09/8/2015) chung sống khoảng năm 1986 nhưng đến ngày 20/5/2005 mới đăng ký kết hôn (đăng ký trễ hạn). Bà Hồng P và ông V có một con chung là Võ Hồng Vân P1. Vợ chồng bà có tạo lập được tài sản chung là QSD đất, diện tích 7.473m² gồm: Thửa 1094, tờ bản đồ 01, diện tích 3.473m² loại đất vườn (LNK) (viết tắt là thửa 1094) và thửa 1095, tờ bản đồ 01, diện tích 4.000m² loại đất vườn (LNK) (viết tắt là thửa 1095) được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00897 ngày 15/02/2002 do ông Võ Thành V đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận. Nhưng theo đo đạc thực tế từ thửa 1094 và thửa 1095 có diện tích là 7.331,2m² (theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của hộ gia đình và chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông V là QSD đất thửa 1095 và thửa 1094, trong đó bà Hồng P1 và chị Vân P1 mỗi người được nhận 1/3, còn lại 1/3 QSD đất là di sản của ông V sẽ chia thừa kế cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm bà Nguyễn Thị Hồng P (vợ ông V), cụ Võ Văn L (cha ông V), chị Võ Hồng Vân P1, chị Võ Nhã H1 và Võ Thị Hạnh P2 (các con ông V). Buộc Công ty TNHH T3 hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng P bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00897 ngày 15/02/2002. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì bà Hồng P không đồng ý vì phần nợ Công ty T3 đã trả cho bà L2 và ông T1 và đây là nợ của Công ty T3 không phải nợ của cá nhân ông V. Bà Hồng P rút lại yêu cầu phân chia số nợ chung của vợ chồng là 625.299.600 đồng do bà đã nộp lại số tiền này cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L để nhận lại QSD đất.

Bị đơn cụ Võ Văn L cho rằng QSD đất thửa 1094 và thửa 1095 là tài sản riêng của ông V tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với bà Hồng P. Cụ L yêu cầu chia phần di sản của ông V để lại theo pháp luật thành 05 phần. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì cụ L đồng ý trả vốn và lãi cho bà L2 và ông T1 vì phần nợ do ông V chết để lại tương đương với kỷ phần thừa kế (còn viết tắt là kỷ phần) mà cụ L được nhận từ ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Hồng Vân P1 yêu cầu chia di sản của ông V thành 03 phần, chị được hưởng 1/3 thừa 1094 và thừa 1095 và yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế của ông V theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Nhã H1 cho rằng QSD đất thừa 1094 và thừa 1095 là tài sản riêng của ông V tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với bà Hồng P1. Chị H1 yêu cầu chia phần di sản của ông V để lại theo pháp luật thành 05 phần. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì chị H1 đồng ý trả vốn và lãi cho bà L2 và ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C cho rằng QSD đất thừa 1094 và thừa 1095 là tài sản riêng do ông V tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị Hồng P, không phải là tài sản của hộ gia đình. Chị P2 yêu cầu chia di sản của ông V để lại thành 05 phần, trong đó chị P2 được hưởng một phần. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 thì bà C không đồng ý, vì phần nợ Công ty T3 đã trả cho bà L2 và ông T1 và đây là nợ của Công ty T3 không phải nợ của cá nhân ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L2 yêu cầu những người thừa kế của ông Võ Thành V có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà ông V còn nợ bà L2, với số tiền vay nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tạm tính từ ngày 09/8/2015 đến thời điểm khởi kiện là 69.190.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là: 169.190.000 đồng và tiếp tục tính lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh T1 yêu cầu những người thừa kế của ông Võ Thành V phải thanh toán số tiền vốn, lãi tổng cộng là 693.679.000 đồng (trong đó vốn là 410.000.000 đồng + lãi là 283.679.000 đồng) và tiếp tục tính lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ.

[3] Bị đơn cụ Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Nhã H1 đã nộp đơn xin rút đơn kháng cáo và đồng ý với bản án sơ thẩm; Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C xin rút đơn kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/6/2026. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút đơn kháng cáo của cụ L, chị Nhã H1 và bà C đại diện theo pháp luật của Hạnh P2 là tự nguyện, nên căn cứ vào khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của cụ L, chị Nhã H1 và Hạnh P2.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Bà Phạm Thị Kim L2 kháng cáo yêu cầu những người thừa kế của ông Võ Thành V có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà ông V còn nợ bà L2, với số tiền vay nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tạm tính từ ngày 09/8/2015 đến thời điểm khởi kiện là 69.190.000

đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 169.190.000 đồng và tiếp tục tính lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ; còn ông Thái Thanh T1 yêu cầu những người thừa kế của ông Võ Thành V phải thanh toán số tiền vốn, lãi tổng cộng là 693.679.000 đồng (trong đó vốn là 410.000.000 đồng + lãi là 283.679.000 đồng) và tiếp tục tính lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ. Xét thấy, bà L2 và ông T1 đã cung cấp được chứng cứ chứng minh ông V có vay tiền của bà L2 và ông T1 số tiền trên bằng Biên nhận ngày 24/11/2012 và Biên nhận ngày 11/6/2011 của ông V đối với bà L2 và ông T1, đồng thời Kết luận giám định số 2681/KLKTHS ngày 10/6/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Chữ ký đứng tên Võ Thành V trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Võ Thành V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 là do cùng 01 người ký ra”. Như vậy, có cơ sở xác định ông V có mượn của bà L2 số tiền 100.000.000 đồng và ông T1 số tiền 410.000.0000 đồng.

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì nghĩa vụ của ông V sau khi chết sẽ được chuyển tiếp cho những người thừa kế của ông V trong phạm vi di sản ông V để lại theo quy định của các Điều 463, 466, 614, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy Tòa án sơ thẩm không chấp nhận buộc liên đới trả nợ là có cơ sở. Ngoài ra, do thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản đã hết theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà L2, ông T1 là phù hợp, riêng cụ L, chị Nhã H1 đã tự nguyện trả lãi cho bà L2, ông T1 theo yêu cầu của họ, nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của cụ L, chị Nhã H1 trả lãi cho bà L2, ông T1 là có cơ sở.

Từ cơ sở trên, Tòa án sơ thẩm xác định trách nhiệm trả nợ của những người thừa kế của ông V theo bản án sơ thẩm là có cơ sở và phù hợp pháp luật.

[4] Tại phiên tòa cụ Võ Văn L, chị Võ Nhã H1 và chị Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C rút yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đối với bà Phạm Thị Kim L2, ông Thái Thanh T1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bà L2 và ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của cụ Võ Văn L, chị Võ Nhã H1 và Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C và không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Kim L2, ông Thái Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Võ Nhã H1, Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C, bà Phạm Thị Kim L2 và ông Thái Thanh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ Võ Văn L và ông Thái Thanh T1 do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn cụ Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Nhã H1

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C;

3. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L2;

4. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thanh T1;

5. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - Đồng Tháp.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Võ Nhã H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H1 đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002597, ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Võ Thị Hạnh P2 có đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn H đã nộp thay là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004334, ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Phạm Thị Kim L2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L2 đã nộp là 300.000 đồng, theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002598, ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Cụ Võ Văn L và ông Thái Thanh T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GDKTTT&THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực B - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực B - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Danh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi